

Bản án số: 63/2022/HS-ST
Ngày 27-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Chuẩn,

Ông Đàm Văn Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Ngọc Đ.

Sinh ngày 02 tháng 02 năm 1999 tại huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm K, xã L, huyện S, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn D, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2021; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Sầm Văn L.

Sinh ngày 02 tháng 9 năm 1986 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm S, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Sầm Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị R, sinh năm 1945; có vợ: Dương Thị H, sinh năm 1988 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2021 đến ngày 10/3/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; Có mặt.

3. Dương Văn B.

Sinh ngày 15 tháng 3 năm 1980 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 02, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương Văn H, sinh năm 1951 và bà Lương Thị K, sinh năm 1955; có vợ Vương Thị L, sinh năm 1980 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/3/2022; hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc Đ:

Ông Phan Kế H và ông Trần Văn H, là các Luật sư của Công ty Luật TNHH BT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; 02 luật sư vắng mặt đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Sầm Văn L:

Bà Nguyễn Thị T, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Công ty cổ phần vận tải BN - Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phúc Y, chức vụ: Phó Giám đốc; Vắng mặt.

+ Dương Thị H, sinh năm 1988, trú tại: Xóm S, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

+ Vương Thị L, sinh năm 1980, trú tại: Tổ 2, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 15 phút ngày 14/12/2021 tổ công tác Công an huyện A làm nhiệm vụ tại Tổ 1, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng phát hiện xe ô tô mang biển kiểm soát 99A-249.xx di chuyển theo hướng Cao Bằng - Lạng Sơn có dấu hiệu nghi vấn về hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, tổ công tác dừng xe kiểm tra phát hiện người điều khiển là Bùi Ngọc Đ (sinh năm 1999, trú tại xóm K, xã L, huyện S, thành phố Hà Nội) và 04 người Trung Quốc không có giấy tờ nhập cảnh vào Việt Nam (gồm Lưu H sinh 1989; Dương P sinh năm 1990, cùng trú tại tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc; Đường Phương D sinh năm 1998,

Vương K sinh năm 1996, cùng trú tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Bùi Ngọc Đ và đưa các đối tượng về trụ sở để làm rõ.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Ngày 12/12/2021 Dương Văn H (sinh năm 1983 trú tại Tổ 2, phường N, thành phố C) được một người không quen biết liên lạc thuê H đến mốc 721 thuộc địa phận xóm K, xã C, huyện H đón 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến chợ NG thuộc địa phận xóm B, xã Đ, huyện H với số tiền 10.000 CNY(Nhân dân tệ)/01 người; tiếp đó người đàn ông trên gửi số điện thoại của Bùi Ngọc Đ cho H để chủ động liên lạc giao nhận người. Khoảng 14 giờ ngày 13/12/2021 H rủ Sầm Văn L cùng tham gia dẫn người và thống nhất sẽ chia đều tiền công, L đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 13/12/2021 H, L đi bộ đến mốc 721 đón 04 người Trung Quốc đưa về đầu làng K, cho 04 người ẩn nấp trong rừng. Khoảng 01 giờ ngày 14/12/2021 H gọi điện thoại thuê Dương Văn B (là anh ruột ở cùng xóm với H) đến xóm K, xã C giúp chở người đưa đến chợ NG, xã Đ với số tiền 2.000.000 đồng, B đồng ý; Sau đó H liên lạc chỉ dẫn cho Bùi Ngọc Đ đến chợ NG đón người; Đến khoảng 06 giờ ngày 14/12/2021 H, L, B mỗi người điều khiển một xe mô tô đến xóm K chở 04 người Trung Quốc đến chợ NG chờ giao người. Khoảng 08 giờ cùng ngày khi Đ đến H giao 04 người Trung Quốc cho Đ, cùng lúc đó có người đàn ông tên T (không rõ họ, địa chỉ thông qua Zalo) chuyển vào tài khoản của L 201.600.000 đồng, sau khi nhận được tiền H trả cho L 96.600.000 đồng, trả cho B 2.000.000 đồng, số còn lại H được hưởng. Biết hành vi của mình bị phát hiện ngày 16/12/2021 Sầm Văn L đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đầu thú, tự giác nộp lại số tiền 95.000.000 đồng, còn Dương Văn H bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 12/12/2021 Bùi Ngọc Đ được T liên lạc thuê Đ đến tỉnh Cao Bằng chở 04 người Trung Quốc đến thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để đi tiếp đến tỉnh Cà Mau với số tiền 40.000.000 đồng. Khoảng 22 giờ ngày 13/12/2021 Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 99A-249.xx đến thành phố C, tỉnh Cao Bằng chờ đón người. Theo sự chỉ dẫn của H, khoảng 08 giờ ngày 14/12/2021 Đ đến chợ NG nhận 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép với H; khi Đ nhận được người T chuyển vào tài khoản ngân hàng của Đ 201.600.000 đồng để Đ chuyển trả tiền công cho H đưa người từ biên giới đến chợ NG, do H không có tài khoản nên Đ chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của Sầm Văn L; chuyển tiền xong Đ điều khiển xe chở 04 người Trung Quốc đến thành phố B để đi tiếp đến tỉnh Cà Mau và giao người cho T để nhận tiền công. Đến khoảng 11 giờ ngày 14/12/2021, khi đi đến thị trấn Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng thì bị tổ công tác Công an huyện A phát hiện bắt giữ.

Tại phiên toà, các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Ngày 23/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 38/CT-VKSCB-P1 truy tố các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn

B về tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sầm Văn L.

Đề nghị xử phạt:

- + Bị cáo Bùi Ngọc Đ từ 24 đến 30 tháng tù.
- + Bị cáo Sầm Văn L từ 24 đến 30 tháng tù.
- + Bị cáo Dương Văn B từ 18 đến 24 tháng tù

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc làm ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên không đề nghị áp dụng.

Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 95.000.000đ tiền do phạm tội mà có của Sầm Văn L đã nộp Cơ quan An ninh điều tra, hiện tạm gửi tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Truy thu số tiền 1.600.000đ của Sầm Văn L thu lợi bất chính đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Truy thu số tiền 2.000.000đ của Dương Văn B thu lợi bất chính đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đề nghị tịch thu bán đấu giá sung công quỹ nhà nước chiếc xe máy của vợ chồng Sầm Văn L vì sử dụng vào mục đích phạm tội, xe không có giấy tờ, giá trị còn lại thấp; tịch thu 1/2 xe máy của vợ chồng Dương Văn B bán đấu giá sung công quỹ nhà nước chiếc xe máy của Dương Văn B vì sử dụng vào mục đích phạm tội.

Tịch thu bán đấu giá xung công hai điện thoại di động của Bùi Ngọc Đ sử dụng vào mục đích phạm tội (01 IPHONE màu hồng; 01 IPHONE màu đen) hai điện thoại này Bùi Ngọc Đ sử dụng vào mục đích phạm tội, một chiếc sử dụng liên lạc với T và H chiếc còn lại sử dụng để chuyển tiền vào tài khoản của Sầm Văn L.

Tịch thu bán đấu giá xung công điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh ngọc, số IMEI1: 861428054151676, số IMEI2: 861428054151668 của bị cáo Sầm Văn L vì sử dụng vào mục đích phạm tội.

Tịch thu bán đấu giá xung công điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu NOKIA màu đen. Số IMEI: 356.107.167.201.626 của Dương Văn B vì sử dụng vào mục đích phạm tội.

Trả lại những tài sản (01 điện thoại SAMSUNG màu xanh; 01 điện thoại XIAOMI màu vàng; 01 điện thoại IPHONE màu vàng) và một số giấy tờ, thẻ ngân hàng của các bị cáo vì không liên quan đến mục đích phạm tội:

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Kế H, Trần Văn H vắng mặt gửi bản bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc Đ với nội dung: Nhất trí với bản cáo trạng truy tố bị cáo Bùi Ngọc Đ về tội danh “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo khoản 1 điều 348 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51, trước khi phạm tội bị cáo có tham gia quân ngũ được tặng thưởng giấy khen đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51; Với vai trò của bị cáo trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt ở mức “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cân nhắc xem xét về nhân thân bị cáo, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo trước khi phạm tội để có mức hình phạt thấp nhất có thể, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

Bị cáo Bùi Ngọc Đ không trình bày lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Bà Nguyễn Thị T bào chữa cho bị cáo Sầm Văn L: Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề như: Bị cáo Sầm Văn L tham gia thực hiện phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho Dương Văn H, sau khi phạm tội đã đầu thú, giao nộp số tiền thu lợi bất chính, bị cáo thuộc hộ nghèo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo có nơi cư trú ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Sầm Văn L không bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Dương Văn B không trình bày bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 11 giờ 15 phút ngày 14/12/2021 của Tổ công tác Công an huyện A đối với Bùi Ngọc Đ; bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên, của người bào chữa về quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo; phù hợp với lời khai của người làm chứng là các công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam bị bắt giữ ngày 14/12/2021; biên bản mở niêm phong, trích xuất dữ liệu điện tử và niêm phong lại các điện thoại di động tạm giữ của Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận:

Ngày 12/12/2021, Bùi Ngọc Đ được một người tên T thuê đến tỉnh Cao Bằng chở 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến tỉnh Cà Mau với số tiền 40.000.000 đồng. Dương Văn H được một người không quen biết thuê đến mốc 721 thuộc địa phận xóm K, xã C, huyện H đón 04 người Trung Quốc và đưa đến xóm B, xã Ngọc Đ, huyện H giao cho Đ. Khoảng 19 giờ ngày 13/12/2021, H cùng Sầm Văn L đến mốc 721 đón 04 người Trung Quốc đưa đến xóm K, xã C, huyện H ẩn nấp. Đến khoảng 08 giờ ngày 14/12/2021, H và L cùng Dương Văn B dùng xe mô tô chở 04 người Trung Quốc đến xóm B, xã Đ giao cho Bùi Ngọc Đ, nhận được người Đ tiếp tục điều khiển xe đi tiếp đến tỉnh Cà Mau để giao cho T. Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi Đ chở 04 người Trung Quốc đến thị trấn Đ, huyện A thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam của các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh, xâm phạm an ninh biên giới, tiềm ẩn nguy cơ làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm và phát sinh các tội phạm khác do người nước ngoài nhập cảnh, cư trú trái phép thực hiện. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích vụ lợi từ việc đón người nhập cảnh trái phép và đưa họ đến địa phương khác theo yêu cầu của người thuê để nhận tiền công.

Hành vi tổ chức cho người 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép của các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự;

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Cả 03 bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 03 bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, Dương Văn H là người giữ vai trò chính, đứng ra tổ chức thuê Sầm Văn L cùng L đón 04 người Trung Quốc từ Mốc 721 (thuộc xóm K) đưa đến chợ N, thuộc địa bàn xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; thuê Dương Văn B đến xóm K, xã C giúp H, L chở người đến chợ NG để giao cho Bùi Ngọc Đ, Đ được một người tên T thuê đến đón và đưa đi địa phương khác (Bắc Ninh rồi đi Cà Mau), bản thân Đ được nhận tiền của người thuê bằng hình thức chuyển khoản số tiền 201.600.000 đồng để chi trả cho H, do H không có tài khoản Ngân hàng nên Đ đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản Ngân hàng của Sầm Văn L, L dùng 1.600.000đ trong số tiền đã nhận trả tiền lãi suất Ngân hàng của khoản vay cá nhân và được H chia lời tiếp số tiền 95.000.000đ, tổng số tiền L được hưởng là 96.600.000đ. Số tiền còn lại 105.000.000đ H trả công cho Dương Văn B 2.000.000đ, H hưởng lợi 103.000.000đ. Bùi Ngọc Đ chưa nhận được tiền công.

Bị cáo Sầm Văn L là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được trợ giúp pháp lý, sau khi phạm tội đã đến cơ quan chức năng đầu thú, bị cáo đã tự nguyện nộp lại phần lớn số tiền thu lợi bất chính, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, nhưng cũng cần lên một mức án tương xứng với tính chất mức độ của hành vi bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đề nghị của trợ giúp viên pháp lý có cơ sở để chấp nhận một phần liên quan đến tình tiết giảm nhẹ, nhưng không có căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B đều giữ vai trò đồng phạm giản đơn, L trực tiếp đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, Đ đón người đưa sâu vào nội địa, nhận tiền và thanh toán tiền cho H và L, B giúp sức cho H và L thực hiện hành vi phạm tội.

Về vai trò các bị cáo trong vụ án, bị cáo Bùi Ngọc Đ và Sầm Văn L có vai trò tương đương nhau nên cần có mức án cao hơn Dương Văn B, cách ly bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Dương Văn B giữ vai trò thứ yếu giúp sức cho Dương Văn H, Sầm Văn L xét thấy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức nhẹ hơn tương xứng với tích chất mức độ của hành vi phạm tội bị cáo thực hiện.

Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng.

Xét đề nghị của các luật sư Phan Kế H, Trần Văn H bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc Đ ngoài đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” có cùng quan điểm với Hội đồng xét xử, luật sư còn đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết trước khi phạm tội bị cáo có tham gia quân ngũ được tặng thưởng giấy khen đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51; Với vai trò của bị cáo trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt ở mức “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giấy khen của bị cáo được nhận không thuộc trường hợp theo quy định tại điểm v khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tội nghiêm trọng nên không có căn cứ áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự như luật sư đã viện dẫn đề nghị.

Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội và quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Hội đồng xét xử thấy số tiền các bị cáo được hưởng lợi bất chính từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép đã bị tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Các bị cáo đều có nghề nghiệp thu nhập không thường xuyên, ổn định, quá trình điều tra không có tài sản tạm giữ, kê biên, phong tỏa tài khoản để bảo đảm thi hành án, nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 95.000.000đ tiền do phạm tội mà có của Sầm Văn L đã nộp Cơ quan An ninh điều tra, hiện tạm gửi tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Truy thu số tiền 1.600.000đ của Sầm Văn L thu lợi bất chính đã sử dụng vào mục đích cá nhân; Truy thu số tiền 2.000.000đ của Dương Văn B thu lợi bất chính đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tịch thu phát mại sung công $\frac{1}{2}$ giá trị các xe máy sau:

- 1/2 (một phần hai) giá trị xe máy vỏ nhựa màu đỏ có chữ HONDA, lốc máy có chữ TAMIS. Xe gắn biển kiểm soát 11X1-00xx. Tình trạng xe đã cũ, phần nhựa xe đã vỡ nát, không có gương chiếu hậu. Số khung: 05305. Số máy: 005305.

- 1/2 (một phần hai) giá trị xe máy nhãn hiệu HONDA màu cam đen. Xe gắn biển kiểm soát 11B1-192.xx, Tình trạng xe đã qua sử dụng, xe nhiều chỗ bị xước, nứt, vỡ.

Phương tiện trên là tài sản chung vợ chồng của các bị cáo, việc các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, vợ bị cáo không biết, xe của Sầm Văn L không có giấy tờ xe nhưng về quyền sở hữu tài sản là không bị hạn chế, chỉ bị hạn chế khi sử dụng, thẩm quyền xử lý thuộc cơ quan chức năng chuyên ngành, mặc dù giá trị tài sản còn lại không lớn nhưng để đảm bảo nguyên tắc quyền sở hữu về tài sản, do đó cần trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị những xe máy trên cho vợ các bị cáo.

Tịch thu bán đấu giá sung công hai điện thoại di động của Bùi Ngọc Đ sử dụng vào mục đích phạm tội (01 IPHONE màu hồng; 01 IPHONE màu đen) hai điện thoại này Bùi Ngọc Đ sử dụng vào mục đích phạm tội, một chiếc sử dụng liên lạc với T và H chiếc còn lại sử dụng để chuyển tiền vào tài khoản của Sầm Văn L.

Tịch thu bán đấu giá sung công điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh ngọc, số IMEI1: 861428054151676, số IMEI2: 861428054151668 của bị cáo Sầm Văn L vì sử dụng vào mục đích phạm tội.

Tịch thu bán đấu giá sung công điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu NOKIA màu đen. Số IMEI: 356.107.167.201.626 của Dương Văn B vì sử dụng vào mục đích phạm tội.

Trả lại những tài sản (01 điện thoại SAMSUNG màu xanh; 01 điện thoại XIAOMI màu vàng; 01 điện thoại IPHONE màu vàng) và một số giấy tờ, thẻ ngân hàng của các bị cáo vì không liên quan đến mục đích phạm tội.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với Dương Văn H sau khi thực hiện hành vi biết đã bị phát hiện nên đã bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan an ninh điều tra đã ra quyết định truy nã và quyết định tách vụ án hình sự đối với H, khi nào bắt được sẽ xử lý bằng vụ án khác.

Đối với người đàn ông tên T thuê Bùi Ngọc Đ và người thuê Dương Văn H tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên cơ quan an ninh điều tra không có đủ căn cứ để mở rộng điều tra.

Đối với 04 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép đã bị Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền và trục xuất về nước.

Xác nhận cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã trả lại xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI màu sơn bạc, biển số: 99A-249xx xe cũ đã qua sử dụng

(kèm chìa khóa và giấy tờ liên quan) cho Công ty cổ phần vận tải BN, theo biên bản trả lại tài sản ngày 10 tháng 02 năm 2022.

[7] Về án phí: Các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Đ: **24 (hai mươi tư)** tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 14/12/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sầm Văn L: **24 (hai mươi tư)** tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2021 đến ngày 10/3/2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn B: **18 (mười tám)** tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, truy thu số tiền đối với các bị cáo do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Tịch thu đối với bị cáo Sầm Văn L: 95.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã nộp lại số tiền trên cho cơ quan điều tra, hiện số tiền này đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Giấy nộp tiền ngày 25 tháng 4 năm 2022.

+ Truy thu số tiền thu lợi bất chính đã sử dụng vào mục đích cá nhân của Sầm Văn L là 1.600.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Truy thu số tiền thu lợi bất chính là: 2.000.000đ đối với bị cáo Dương Văn B để nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:

+ Tịch thu ½ (một phần hai) giá trị xe máy vỏ nhựa màu đỏ có chữ HONDA, lốc máy có chữ TAMIS. Xe gắn biển kiểm soát 11X1-00xx. Tình trạng xe đã cũ, phần nhựa xe đã vỡ nát, không có gương chiếu hậu. Số khung: 05305. Số máy: 005305.

+ Tịch thu ½ (một phần hai) giá trị xe máy nhãn hiệu HONDA màu cam đen. Xe gắn biển kiểm soát 11B1-192.xx, Tình trạng xe đã qua sử dụng, xe

nhiều chỗ bị xước, nứt, vỡ. Số khung: RLHJA3200EY091425. Số máy: JA32E1193765 kèm 301 (một) đăng ký xe mô tô mang tên Dương Văn B.

- Trả lại ½ (một phần hai) giá trị xe máy vỏ nhựa màu đỏ có chữ HONDA, lốc máy có chữ TAMIS. Xe gắn biển kiểm soát 11X1-00xx. Tình trạng xe đã cũ, phần nhựa xe đã vỡ nát, không có gương chiếu hậu. Số khung: 05305. Số máy: 005305. Cho vợ bị cáo Sầm Văn L là Dương Thị H - Trú tại: Xóm K, xã Tổng C, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- Trả lại ½ (một phần hai) giá trị xe máy nhãn hiệu HONDA màu cam đen. Xe gắn biển kiểm soát 11B1-192.xx, Tình trạng xe đã qua sử dụng, xe nhiều chỗ bị xước, nứt, vỡ. Cho vợ bị cáo Dương Văn B là Lương Thị L - Trú tại: Tổ 02, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 31/3/2022.

+ Tịch thu 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 (hai) điện thoại di động của Bùi Ngọc Đ: 01 điện thoại IPHONE màu hồng, 01 điện thoại IPHONE màu đen”.

Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong,

+ Tịch thu 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh ngọc, số IMEI: 861428054151676, số IMEI2: 861428054151668 của bị can Sầm Văn L trong vụ án: Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, phát hiện ngày 14/12/2021 tại thị trấn Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng”.

Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

+ Tịch thu 01 (một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen. Số IMEI 356.107.167.201.626 (điện thoại của Dương Văn B).

- Trả lại cho các bị cáo các giấy tờ, đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, cụ thể:

+ Trả cho Bùi Ngọc Đ: 01 (một) căn cước công dân mang tên Bùi Ngọc Đ cấp ngày 20/7/2021; 01 (một) căn cước công dân mang tên Bùi Ngọc Đg cấp ngày 12/01/2021; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Bùi Ngọc Đ; 02 (hai) thẻ VISA mang tên BUI NGOC D; 01 (một) thẻ ATM AGRIBANK mang tên BUI NGOC D; 01 (một) thẻ VietCredit mang tên NGUYỄN THỊ Q; 01 (một) đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Ngọc Đ; 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “03 (ba) điện thoại di động của Bùi Ngọc Đ: 01 điện thoại SAMSUNG màu xanh, 01 điện thoại XIAOMI màu vàng, 01 điện thoại IPHONE màu vàng”.

Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

+ Trả cho Sầm Văn L: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Sầm Văn L.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 84 ngày 02 tháng 6 năm 2022.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Sầm Văn L, Dương Văn B có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Dương Thị H, Vương Thị L có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty cổ phần vận tải BN có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Hà Nam